

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HANECO**

Báo cáo tài chính

*cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
đã được kiểm toán*



TRƯỞNG PHÒNG TỔNG HỢP
Lê Hoàng Long

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại - được thành lập theo quyết định số 1301/QĐ-UB ngày 30/03/1993 của UBND Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước số 0106000924, thay đổi lần thứ 12 ngày 18/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco được chuyển đổi mô hình hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại) sang Công ty TNHH Nhà nước MTV theo quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 24/05/2010 của UBND Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01.00234322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/08/2010 và thay đổi lần thứ nhất ngày 17/01/2014.

Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 6992/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco. Quyết định số 5671/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco thành Công ty Cổ phần. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 01/11/2016, Công ty đã thực hiện xong cổ phần hóa doanh nghiệp, chính thức trở thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Buôn bán vải, hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày dép, các sản phẩm da và giả da;
- Buôn bán nông sản, lâm sản, nguyên liệu;
- Buôn bán gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá nội;
- Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Buôn bán giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Buôn bán thiết bị nghe nhìn, thiết bị linh kiện điện tử và viễn thông;
- Buôn bán hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng y tế;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác sử dụng cho: Sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải, máy công cụ điều khiển bằng vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác;
- Buôn bán phân bón và các sản phẩm nông hóa;
- Buôn bán hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Buôn bán tổng hợp;
- Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Đại lý bảo hiểm;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO
Báo cáo của Ban giám đốc (tiếp theo)

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tour du lịch;
- Khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản;
- Xây dựng nhà ở, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí (trừ loại Nhà nước cấm);
- Nhận ủy thác XNK hàng hóa;
- XNK các mặt hàng do Công ty kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4 NB, Tòa nhà 14 - 16 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 8.000.000.000 đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai là 11.590.100.000 đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Chính	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Đại	Tổng giám đốc
Bà Phan Anh Thư	Kế toán trưởng
Bà Triệu Thị Chúc	Trưởng ban Kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán độc lập cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2019



Vũ Chính

Số: 62/2019/BCTC-PNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco, được lập ngày 15 tháng 05 năm 2019, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 01/2019/BCTC-PNT ngày 15 tháng 01 năm 2019 do Công ty lập lại báo cáo tài chính ngày 15 tháng 05 năm 2019 thay thế cho báo cáo tài chính lập ngày 14 tháng 01 năm 2019. Nguyên nhân:

- Công ty điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN hiện hành theo kết quả thanh kiểm tra thuế tháng 05 năm 2019.

Mọi Báo cáo kiểm toán số 01/2019/BCTC-PNT ngày 15 tháng 01 năm 2019 chưa thu hồi được không còn giá trị.

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT
Giám đốc



Khương Tất Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0410-2018-136-1

Kiểm toán viên

Trần Tiến Đạt

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4369-2018-136-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.822.515.792	111.925.334.271
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.217.829.565	12.400.630.779
1. Tiền	111		2.217.829.565	12.400.630.779
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.676.759.823	982.935.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.02a	4.477.134.380	1.179.522.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(982.374.557)	(196.587.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02b	182.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.683.982.413	84.214.734.578
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	90.290.822.249	78.343.415.622
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.290.246.200	2.316.240.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			1.250.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	1.102.913.964	2.305.078.956
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	5.988.671.016	13.378.468.233
1. Hàng tồn kho	141		5.988.671.016	13.378.468.233
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.255.272.975	948.565.681
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	145.533.000	153.177.237
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11b	1.109.739.975	795.388.444
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.174.697.331	3.414.380.071
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		530.000.000	530.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	530.000.000	530.000.000
II. Tài sản cố định	220	V.07		
1. Tài sản cố định hữu hình	221			
- Nguyên giá	222		148.657.142	148.657.142
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(148.657.142)	(148.657.142)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.246.548.010	1.246.548.010
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02c	1.246.548.010	1.246.548.010
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.398.149.321	1.637.832.061
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	1.398.149.321	1.637.832.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		120.997.213.123	115.339.714.342

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		108.598.231.200	103.034.277.567
I. Nợ ngắn hạn	310		108.598.231.200	103.034.277.567
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	18.372.052.328	125.328.384
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	7.353.844.536	7.279.171.530
4. Phải trả người lao động	314		249.770.638	30.519.697
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	4.589.001.227	3.475.782.104
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	77.445.872.720	91.508.206.243
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		587.689.751	615.269.609
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.13	12.398.981.923	12.305.436.775
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.398.981.923	12.305.436.775
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.590.100.000	11.590.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		126.642.929	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		682.238.994	715.336.775
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		110.483.923	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		571.755.071	715.336.775
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		120.997.213.123	115.339.714.342

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2019
 Chủ tịch HĐQT

Phan Anh Thư

Vũ Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	384.538.603.914	377.814.544.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		384.538.603.914	377.814.544.693
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	363.944.098.924	354.080.459.390
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.594.504.990	23.734.085.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.395.696.625	3.952.613.740
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	7.916.251.850	7.465.319.869
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.790.443.120	6.699.316.835
8. Chi phí bán hàng	25	VI.07b	6.963.031.945	12.094.541.335
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07a	6.692.612.605	6.819.467.738
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.418.305.215	1.307.370.101
11. Thu nhập khác	31	VI.05		303.381.606
12. Chi phí khác	32	VI.06		173.072.389
13. Lợi nhuận khác	40			130.309.217
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.418.305.215	1.437.679.318
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	259.571.309	294.064.698
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.158.733.906	1.143.614.620
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	544	533

Người lập biểu

Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 05 năm 2019
Chữ ký HĐQT

Phan Anh Thư

Vũ Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.418.305.215	1.437.679.318
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	57.807.965
- Các khoản dự phòng	03		785.787.557	196.587.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			(350.417)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.939.876.584)	(3.328.910.516)
- Chi phí lãi vay	06		5.790.443.120	6.699.316.835
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.054.659.308	5.062.130.185
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.476.780.366)	43.923.951.593
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.389.797.217	(9.242.146.758)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		19.582.644.020	(1.469.427.937)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		247.326.977	253.884.103
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3.297.612.380)	7.020.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.790.443.120)	(6.699.316.835)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(188.348.315)	(199.054.775)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(513.363.616)	(354.295.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.007.879.725	38.295.724.576
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			155.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(182.000.000)	(1.250.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.250.000.000	2.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.383.057.584	3.379.371.555
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.451.057.584	4.584.371.555
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		240.234.754.175	269.501.880.866
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(254.297.087.698)	(303.814.273.967)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(579.405.000)	(467.081.606)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.641.738.523)	(34.779.474.707)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(10.182.801.214)	8.100.621.424
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.400.630.779	4.300.405.704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			(396.349)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.217.829.565	12.400.630.779

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2019

Chủ tịch HĐQT

Phan Anh Thư

Vũ Chinh



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại - được thành lập theo quyết định số 1301/QĐ-UB ngày 30/03/1993 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước số 0106000924 thay đổi lần thứ 12 ngày 18/09/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco được chuyển đổi mô hình hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại) sang Công ty TNHH Nhà nước MTV theo quyết định số: 2297/QĐ-UBND ngày 24/05/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01.00234322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02/08/2010 và thay đổi lần thứ nhất ngày 17/01/2014.

Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 6992/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco. Quyết định số 5671/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco thành Công ty Cổ phần. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 01/11/2016, Công ty đã thực hiện xong cổ phần hóa doanh nghiệp, chính thức trở thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4 NB, Tòa nhà 14 - 16 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ đối ngoại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán vải, hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày dép, các sản phẩm da và giả da;
- Buôn bán nông sản, lâm sản, nguyên liệu;
- Buôn bán gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá nội;
- Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Buôn bán giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Buôn bán thiết bị nghe nhìn, thiết bị linh kiện điện tử và viễn thông;
- Buôn bán hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng y tế;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác sử dụng cho: Sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải, máy công cụ điều khiển bằng vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Buôn bán phân bón và các sản phẩm nông hóa;
- Buôn bán hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Buôn bán tổng hợp;
- Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Đại lý bảo hiểm;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tour du lịch;
- Khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản;
- Xây dựng nhà ở, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí (trừ loại Nhà nước cấm);
- Nhận ủy thác XNK hàng hóa;
- XNK các mặt hàng do Công ty kinh doanh.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay mục đích khác.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

a. Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- ✓ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tuy nhiên, Công ty đang áp dụng giá hạch toán, tỷ giá này Công ty đang lấy theo tỷ giá giao dịch trên thị trường. Tỷ giá hạch toán được áp dụng trong năm từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/07/2018 là 22.800VND/USD. Từ ngày 01/08/2018, Công ty áp dụng tỷ giá hạch toán 23.200 VND/USD.

- ✓ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá bình quân mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) tại ngày 31/12/2018 là 23.200 VND/USD.

b. Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh

Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

c. Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:

- ✓ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:

- ✓ Bên Có các TK phải thu (ngoại trừ giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ TK phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các TK khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước;

- ✓ Bên Nợ các TK phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có TK phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng;

- ✓ Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d. Nguyên tắc kế toán về chênh lệch tỷ giá

- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

Các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ tại 31/12/2018, được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán của đơn vị mà không phải theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/04/2014. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị, dụng cụ quản lý 3 - 8 Năm

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Các khoản lãi vay ngân hàng được ghi nhận theo thông báo lãi tiền vay hàng tháng của ngân hàng nơi doanh nghiệp phát sinh các khoản vốn vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được phân bổ trong thời gian 08 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí lương

Năm 2018, với mô hình Công ty Cổ phần do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ: tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người lao động và viên chức quản lý được xác định theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Chính sách phân phối lợi nhuận

Chính sách phân phối lợi nhuận được thực hiện theo :

- Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp;
- Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa có quyết định của Hội đồng quản trị đã được Đại hội cổ đông thông qua về chính sách phân phối lợi nhuận năm 2018. Hiện tại, Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển bằng 5% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 3 tháng lương thực hiện;
- Trích quỹ thưởng ban điều hành bằng 1,5 tháng lương thực hiện.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	411.367.570	183.643.695
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.806.461.995	12.216.987.084
Cộng	2.217.829.565	12.400.630.779

02. Các khoản đầu tư tài chính (trang 19-20)

03. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nhất Thành	80.653.649.249	78.343.415.622
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Lộc Phát	9.637.173.000	
Cộng	90.290.822.249	78.343.415.622

04. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
a) Ngắn hạn	1.102.913.964	2.305.078.956
- Phải thu người lao động	2.913.964	5.078.956
- Ký cược, ký quỹ mở LC	1.100.000.000	2.300.000.000
b) Dài hạn	530.000.000	530.000.000
- Ký cược, ký quỹ thuê văn phòng	530.000.000	530.000.000
Cộng	1.632.913.964	2.835.078.956

Các khoản phải thu này không có tình trạng quá hạn hoặc khó đòi, do đó Công ty không tiến hành trích lập dự phòng.

05. Nợ xấu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Giá gốc
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn		
+ Ông Tiết Anh Tuấn	151.962.418	151.962.418
+ Công ty TNHH Thương mại Tám Giùm	127.304.326	127.304.326
+ Ông Nguyễn Thái Hùng	334.324.400	334.324.400
Cộng	613.591.144	613.591.144

Khả năng thu hồi các khoản nợ này là bằng 0. Do đó, năm 2009 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng và đến năm 2014, Công ty không trình bày trên bảng cân đối kế toán mà theo dõi trên tài khoản ngoài bảng.

06. Hàng tồn kho:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Giá gốc
- Hàng hóa;	5.988.671.016	13.378.468.233
Cộng	5.988.671.016	13.378.468.233

Hàng hóa tồn cuối kỳ là lô hàng nhập kho tháng 12 năm 2018. Theo biên bản kiểm kê tại ngày 31/12/2018 thì lô hàng này vẫn đảm bảo chất lượng, đồng thời trong tháng 12 năm 2018 đơn vị đã xuất bán một phần. Do đó, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
a) Chứng khoán kinh doanh				
- Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	1.566.609.766	1.361.616.699	204.993.067	
- Công ty CP Kho vận giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (TMS)	1.179.522.000	801.881.100	377.640.900	1.179.522.000
- Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	1.138.124.629	829.599.999	308.524.630	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	251.066.035	235.415.000	15.651.035	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (CTG)	181.972.550	135.100.000	46.872.550	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPB)	128.442.375	99.750.000	28.692.375	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)	31.397.025	34.400.000		
Tổng giá trị cổ phiếu	4.477.134.380	3.497.762.798	982.374.557	1.179.522.000
				196.587.000

Giá trị hợp lý của các mã chứng khoán trên được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 28/12/2018 và 31/12/2017 của sàn giao dịch HOSE.

Chi tiết số lượng cổ phiếu mà Công ty nắm giữ đến 31/12/2018:

Tên chứng khoán	Số lượng
- Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	70.006
- Công ty CP Kho vận giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (TMS)	30.033
- Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	170.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	19.700
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (CTG)	7.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPB)	5.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)	1.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu chuyển đổi				
- Công ty CP Kho vận giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (*)	182.000.000	182.000.000		

(*): Trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 2 năm, tỷ lệ phát hành trái phiếu là 12:1. Lãi suất thanh toán theo kỳ hạn: 6,5%/năm, giá chuyển đổi được xác định bằng 80% giá trị sổ sách trên báo cáo tài chính hợp nhất quý gần nhất tính đến mỗi ngày chuyển đổi nhưng không quá 20.000 đồng/cổ phiếu

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc (**)	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Mís	1.246.548.010		1.246.548.010	

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này với lý do:

- Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được Công ty xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Để tính được theo phương pháp này, Công ty phải có được báo cáo tài chính của Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Mís tại ngày lập báo cáo. Tuy nhiên, tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư;
- Ngoài phương pháp xác định giá trị hợp lý nêu trên, Công ty còn áp dụng xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch của cổ phiếu trên sàn chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Mís chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán cũng như sàn Upcom.

Số lượng cổ phần Công ty nắm giữ là 122.000 cổ phần. Tuy nhiên, trên số theo dõi cổ phần của Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Mís, số cổ phần do Công ty nắm giữ là 126.080 cổ phần. Chênh lệch 4.080 cổ phần, đây là khoản Công ty nhận ủy thác đầu tư của Ông Phạm Quang Trung.

(**): Trong năm 2017, Công ty nhận được khoản cổ tức được chia năm 2016 số tiền 109.800.000 đồng. Trong đó khoản cổ tức tương ứng 10 tháng đầu năm 2016 là 91.500.000 VND được ghi nhận giảm giá trị khoản đầu tư do khi cổ phần hóa doanh nghiệp đã căn cứ vào lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Mís để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ		148.657.142	148.657.142
- Mua trong kỳ			
- Đầu tư XDCB hoàn thành			
- Tăng khác (*)			
- Chuyển sang BĐS đầu tư			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ		148.657.142	148.657.142
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ		(148.657.142)	(148.657.142)
- Số khấu hao trong kỳ			
- Tăng khác			
- Chuyển sang BĐS đầu tư			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ		(148.657.142)	(148.657.142)
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu kỳ			
2. Tại ngày cuối kỳ			

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng; 148.657.142

	Số cuối năm	Số đầu năm
08. Chi phí trả trước	145.533.000	153.177.237
a) Ngắn hạn	145.533.000	153.177.237
- Chi phí thuê văn phòng		
- Công cụ dụng cụ sản xuất		
b) Dài hạn	1.398.149.321	1.637.832.061
- Lợi thế kinh doanh thương mại	1.398.149.321	1.637.832.061
Cộng	<u>1.543.682.321</u>	<u>1.791.009.298</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Long Biên	27.755.658.230	27.755.658.230	85.397.557.480	102.132.384.839	44.490.485.589	44.490.485.589
- Ngân hàng NN&PTNT - Sở giao dịch Hà Nội	49.190.214.490	49.190.214.490	148.837.196.695	139.664.702.859	40.017.720.654	40.017.720.654
- Công ty Cổ phần Thương mại và Bất động sản Hà Thành (i)				7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
- Vũ Chính			2.000.000.000	2.000.000.000		
- Nguyễn Tùng Lâm	500.000.000	500.000.000	4.000.000.000	3.500.000.000		
Cộng	77.445.872.720	77.445.872.720	240.234.754.175	254.297.087.698	91.508.206.243	91.508.206.243

(i): Đây là khoản vay ký theo hợp đồng từng năm đến thời hạn dài hạn hai bên tiến hành thương thảo, nếu Công ty CP Xuất nhập khẩu Haneco có nhu cầu sử dụng tiếp vốn thì hai bên tiến hành ký phụ lục gia hạn hợp đồng.

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Sladovna, Spol.S.R.O			125.328.384	125.328.384
- Sudima international PTE LTD	9.054.045.224	9.054.045.224		
- Jaydev industries	103.929.504	103.929.504		
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Nhất Thành	9.214.077.600	9.214.077.600		
Cộng	18.372.052.328	18.372.052.328	125.328.384	125.328.384

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.021.928	259.571.309	188.348.315	104.244.922
- Thuế TNCN của cán bộ công nhân viên Công ty	5.823.402	46.444.973	42.994.961	9.273.414
- Thuế Xuất nhập khẩu		4.982.825.422	4.982.825.422	
- Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	
- Thuế nhà đất (i)	7.240.326.200			7.240.326.200
- Các khoản phải nộp khác		565.355.000	565.355.000	
+ <i>Cổ tức nộp về ngân sách Nhà nước</i>		565.355.000	565.355.000	
Cộng	7.279.171.530	5.857.196.704	5.782.523.698	7.353.844.536

(i): Tiền thuế đất 338.333 USD (đã được quy đổi theo tỷ giá quy định) của dự án Khách sạn Hà Nội Vàng phát sinh trước năm 2001. Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước theo công văn số 13009/BTC-TCT ngày 18/09/2015 của Bộ Tài chính. Khoản tiền thuế đất này đã được xử lý giảm trừ vốn Nhà nước theo quyết định số 6992/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco.

b. Phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
- Thuế GTGT bán hàng nội địa	795.388.444	869.099.785	1.183.451.316	1.109.739.975
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu				

Cộng

12. Phải trả khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Bảo hiểm xã hội				
- Phải trả về cổ phần hóa				
- Các khoản phải trả, phải nộp khác của lao động VP đại diện	4.589.001.227	4.589.001.227	3.475.782.104	3.475.782.104
- Phải trả khác				

Cộng

	4.589.001.227	4.589.001.227	3.475.782.104	3.475.782.104
--	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2017	11.590.100.000		225.667.259	11.815.767.259
- Tăng vốn trong năm trước				
- Lãi trong năm trước			1.143.614.620	1.143.614.620
- Tăng khác				
- Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế				
- Giảm vốn trong năm trước				
- Lỗ trong năm trước				
- Phân phối lợi nhuận			(653.945.104)	(653.945.104)
- Giảm khác				
Tại ngày 01/01/2018	11.590.100.000		715.336.775	12.305.436.775
- Tăng vốn trong năm nay				
- Lãi trong kỳ năm nay			1.158.733.906	1.158.733.906
- Tăng khác				
- Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế				
- Giảm vốn trong năm nay				
- Lỗ trong năm nay				
- Phân phối lợi nhuận 2017		68.464.094	(604.852.852)	(536.388.758)
- Phân phối lợi nhuận 2018(i)		58.178.835	(586.978.835)	(528.800.000)
- Giảm khác				
Tại ngày 31/12/2018	11.590.100.000	126.642.929	682.238.994	12.398.981.923

(i) Lợi nhuận đã tạm phân phối trong năm 2018:

	586.978.835
+ Quỹ đầu tư phát triển	58.178.835
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	387.800.000
+ Quỹ thưởng ban điều hành	141.000.000

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	11.307.100.000	11.307.100.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	283.000.000	283.000.000
Cộng	11.590.100.000	11.590.100.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	11.590.100.000	11.590.100.000
+ Vốn tăng trong kỳ		
+ Vốn giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	11.590.100.000	11.590.100.000

- Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa có quyết định của Đại hội đồng cổ đông về phân phối lợi nhuận trong kỳ, hiện tại Công ty đang tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (tính bằng 3 tháng lương thực hiện của người lao động) và quỹ thưởng ban điều hành (tính bằng 1,5 tháng lương thực hiện của VCQL).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
- Doanh thu bán hàng	380.927.184.539	374.313.145.948
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.611.419.375	3.501.398.745
Cộng	384.538.603.914	377.814.544.693

02. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	363.944.098.924	354.080.459.390
Cộng	363.944.098.924	354.080.459.390

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	295.421.465	189.854.055
- Lãi bán các khoản đầu tư	262.661.006	390.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	138.510.119	29.221.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá	193.159.035	664.742.185
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.505.945.000	2.678.796.000
Cộng	2.395.696.625	3.952.613.740

04. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
- Lãi tiền vay	5.790.443.120	6.699.316.835
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.333.340.456	558.236.034
- Chi phí bán chứng khoán	6.680.717	11.180.000
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	785.787.557	196.587.000
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính.		
Cộng	7.916.251.850	7.465.319.869

05. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
- Lãi từ thanh lý tài sản (a-b)		41.038.961
+ Thu từ thanh lý tài sản cố định (a)		155.000.000
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý tài sản cố định (b)		113.961.039
- Tiền bồi thường nhận được		237.756.645
- Thu nhập khác		24.586.000
Cộng		303.381.606

06. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
- Các khoản bị phạt		61.469.324
- Các khoản truy thu thuế		111.603.065
Cộng		173.072.389

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	6.692.612.605	6.819.467.738
- Chi phí nhân viên quản lý	3.295.164.503	3.279.860.737
- Chi phí vật liệu quản lý	12.972.182	15.038.818
- Chi phí đồ dùng văn phòng		48.228.818
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		57.807.965
- Thuế và lệ phí	526.560.480	713.448.832
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.909.001.590	1.710.352.457
- Chi phí tiếp khách		
- Chi phí bằng tiền khác	948.913.850	994.730.111
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	6.963.031.945	12.094.541.335
+ Vận chuyển, bốc vác	6.445.957.099	11.532.505.331
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	517.074.846	562.036.004
Cộng	13.655.644.550	18.914.009.073

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	363.944.098.924	354.080.459.390
- Chi phí nhân công;	3.295.164.503	3.279.860.737
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	2.426.076.436	2.272.388.461
- Chi phí khác bằng tiền.	7.934.403.611	13.361.759.875
Cộng	377.599.743.474	372.994.468.463

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	1.418.305.215	1.437.679.318
Các khoản điều chỉnh		
- Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế (2)	18.061.453	61.865.673
- Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế (3)	138.510.119	29.221.500
- Lỗ kỳ trước được chuyển vào kỳ này (4)		
Thu nhập tính thuế TNDN (5=1+2-3-4)	1.297.856.549	1.470.323.491
Thuế suất thuế TNDN (6)	20%	20%
Thu nhập tính thuế TNDN (7=5x6)	259.571.309	294.064.698

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế (1)	1.158.733.906	1.143.614.620
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng BDH (2)	528.800.000	525.728.134
Số cổ phần bình quân trong năm (3)	1.159.010	1.159.010
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (1-2)/(3)	544	533

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HANECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tổng thu nhập của Ban điều hành công ty

Họ tên	Năm 2018	Năm 2017
Ông: Vũ Chinh - Tổng Giám đốc	396.563.970	440.977.955
Ông: Phạm Văn Đại - Tổng giám đốc	291.449.186	293.557.385
Bà: Phan Anh Thư - Kế toán trưởng	278.417.744	300.395.191
Bà: Triệu Thị Chúc - Trưởng Ban Kiểm soát	241.705.173	247.492.102
Cộng	1.208.136.073	1.282.422.633

2. Các giao dịch bán hàng lớn trong năm

Đối tượng	Số tiền
Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Lộc Phát	56.330.483.750
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nhất Thành	315.606.225.695

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT.

Người lập

Kế toán trưởng

Phan Anh Thư



Vũ Chinh

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2019

Chủ tịch HĐQT